

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 08-7-2020

V/v ly hôn giữa bà Y và ông P.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Tuyết Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Anh Khoa

2. Bà Nguyễn Ngọc Liên.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ.

Ngày 08 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 72/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 220/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23-6-2020, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Hải Y**, sinh năm 1970

ĐKTT: 57A Đ, phường A (nay là phường T), quận N, thành phố C.

* Bị đơn: Ông **Thái Phương P**, sinh năm 1970

ĐKTT: 57A Đ, phường A (nay là phường T), quận N, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 15-11-2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hải Y trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông P tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân vào năm 1993 và có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, thành phố C, tỉnh C (cũ) vào ngày 04-04-1994. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn đỉnh điểm cách đây 03 năm, nguyên nhân mâu thuẫn do ông P thường hay nhậu nhẹt, không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng bất đồng quan điểm sống, đời sống chung không hạnh phúc, thường xuyên bất đồng. Ông bà đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả,

ông bà đã sống ly thân hơn 01 năm nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin được ly hôn với ông P.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Thái Kim N (nữ), sinh ngày 21-9-1998; Thái Kim N (nữ) sinh ngày 31-10-2002. Cháu N đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, cháu N bà yêu cầu được trực tiếp nuôi, không yêu cầu ông P cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Y xác định không có.

* *Tại bản tự khai đề ngày 28-02-2020 và trong quá trình xét xử bị đơn ông Thái Phương P trình bày:*

Về hôn nhân: Giống như bà Y trình bày. Ông thừa nhận vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn cách đây 03 năm, nguyên nhân mâu thuẫn do làm ăn thất bại nhưng bà Y không quan tâm chia sẻ mà còn gay gắt, bà Y thường hay đi chơi với bạn bè bỏ bê chồng con nên ông buồn phiền dẫn đến nhậu nhẹt. Ông bà đã sống ly thân hơn 01 năm nay. Tình cảm vợ chồng cũng không còn, nếu không có 02 con thì ông sẵn sàng đồng ý ly hôn nhưng vì tương lai của 02 con nên khi nào 02 con có gia đình ông sẽ đồng ý ly hôn với bà Y.

Về con chung: Có 02 con chung tên Thái Kim N (nữ), sinh ngày 21-9-1998; Thái Kim N (nữ) sinh ngày 31-10-2002. Cháu Thái Kim N đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, cháu Thái Kim N tùy theo nguyện vọng của con muốn sống với ai thì sống, ông không có ý kiến.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông P xác định không có.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, nuôi con chung, không yêu cầu ông P cấp dưỡng tiền nuôi con và xác định tài sản chung, nợ chung không có.

Bị đơn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân quận N nhận định:

Về thủ tục: Ông Thái Phương P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Tòa án áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt ông P là phù hợp quy định của pháp luật.

Về quan hệ tranh chấp: Bà Y, ông P tự nguyện đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Thới, thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ (cũ) vào ngày 04-04-1994 nên được xem đây là hôn nhân hợp pháp, khi có tranh chấp sẽ do Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 điều chỉnh và do ông P có địa chỉ Hộ khẩu thường trú tại địa bàn quận N nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ.

Về hôn nhân: Mâu thuẫn phát sinh do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông P thường hay nhậu nhẹt, không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng nguội lạnh. Cuộc sống chung giữa ông bà không còn hạnh phúc nên bà xin ly hôn. Tại phiên tòa, bà Y kiên quyết ly hôn vì tình cảm vợ chồng

không còn. Tại biên bản hòa giải ngày 12-5-2020 ông P cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng ông không đồng ý ly hôn vì cho rằng ảnh hưởng đến tương lai của 02 con. Xét thấy, mặc dù ông P không đồng ý ly hôn nhưng vợ chồng đã có thời gian sống ly thân, ông P cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, Tòa án cũng đã triệu ông P dự phiên tòa nhưng ông P không đến điều đó chứng tỏ ông P không tha thiết đoàn tụ, thiết nghĩ một bên đã không còn tha thiết gì với cuộc hôn nhân này và đã khẳng định tình cảm vợ chồng thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Y theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con chung: Bà Y và ông P có 02 con chung. Cháu Thái Kim N đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét. Bà Y có yêu cầu được nuôi cháu Kim N, cháu N cũng có nguyện vọng ở với mẹ, xét hiện tại cháu N cũng đang sống với bà Y, để tránh làm xáo trộn đời sống tinh thần của cháu N nghĩ nên giao cháu N cho bà Y tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Do bà Y không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Y và ông P xác định không có nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Y phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân:* Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Hải Y và ông Thái Phương P.

2. *Về nuôi con chung:* Giao con chung Thái Kim N (nữ) sinh ngày 31-10-2002 cho bà Nguyễn Thị Hải Y trực tiếp nuôi dưỡng, ông P không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung cho ông P không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của cháu Kim N các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

4. *Về án phí hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Hải Y phải chịu tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng theo biên lai thu số 002162 ngày 24-12-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Cần Thơ, bà Y không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q. N;
- Chi cục THADS Q. N;
- UBND phường A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Tuyết Phương